

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 28 /2017/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 06 tháng 9 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh**

ĐO LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

Số: ..... 17.800 .....

Ngày: ..... 11/9 .....

Chuyên: .....

Lưu: ..... Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04/10/2002 của Chính phủ về tín dụng đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 15/2013/QĐ-TTg ngày 23/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ cận nghèo;

Căn cứ Quyết định số 28/2015/QĐ-TTg ngày 21/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với hộ mới thoát nghèo;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08/02/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn Ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại văn bản số 1547/STC-QLNS ngày 05/7/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh; Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 13 tháng 9 năm 2017.

**ĐẾN**

Bãi bỏ Quyết định số 503/QĐ-UBND ngày 11/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Quy chế quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách tỉnh ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh. / *th*

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;
- Bộ Tài chính;
- Ngân hàng Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- T/T Tỉnh ủy, T/T HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Các PVP UBND tỉnh;
- T/T HĐND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND các huyện, tx, tp;
- Báo Gia Lai, Đài PTTH tỉnh;
- Lưu: VT, TT Tin học, KT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*Wong*

**Võ Ngọc Thành**

**QUY CHẾ**

**Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 28 /2017/QĐ-UBND  
ngày 06 / 9/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

**1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội (NHCSXH) để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

**2. Đối tượng áp dụng**

Các cơ quan có trách nhiệm trong việc quản lý và sử dụng nguồn vốn từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, bao gồm: Chi nhánh NHCSXH tỉnh, các Phòng giao dịch NHCSXH huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là cấp huyện), các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác; Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Sở Tài chính, Phòng Tài chính - Kế hoạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; các sở, ban, ngành, tổ chức và cá nhân có liên quan.

**Chương II**

**CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Điều 2. Cơ quan chuyên môn được Ủy ban nhân dân các cấp ủy quyền ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện**

1. Cấp tỉnh: Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh (đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh).

2. Cấp huyện: Phòng Tài chính - kế hoạch ký hợp đồng ủy thác với Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện (đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện).

**Điều 3. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương**

Hàng năm, căn cứ quyết định xuất ngân sách của Ủy ban nhân dân các cấp để bổ sung nguồn vốn từ ngân sách địa phương ủy thác cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác:

1. Đối với nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh, Sở Tài chính thực hiện chuyển tiền cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh bằng hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Đối với nguồn vốn từ ngân sách cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch thực hiện chuyển tiền cho Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện bằng hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

#### **Điều 4. Đối tượng cho vay**

1. Hộ nghèo.
2. Hộ cận nghèo.
3. Hộ mới thoát nghèo.
4. Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn đang học đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và học nghề.
5. Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm theo nghị định của Chính phủ và các quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
6. Các đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài.
7. Các tổ chức kinh tế và hộ sản xuất, kinh doanh thuộc khu vực II, III miền núi và thuộc chương trình phát triển kinh tế - xã hội các xã đặc biệt khó khăn miền núi, vùng sâu, vùng xa (sau đây gọi là Chương trình 135).
8. Các đối tượng khác khi có quyết định của Thủ tướng Chính phủ.
9. Một số đối tượng chính sách khác tại địa phương do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

#### **Điều 5. Mục đích sử dụng vốn vay**

1. Hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo:
  - a) Mua sắm vật tư, thiết bị; giống cây trồng, vật nuôi; thanh toán các dịch vụ phục vụ sản xuất, kinh doanh.
  - b.) Góp vốn thực hiện các dự án hợp tác sản xuất, kinh doanh được cấp có thẩm quyền phê duyệt.
  - c) Giải quyết một phần nhu cầu thiết yếu về nhà ở, điện thắp sáng, nước sạch và học tập.
2. Đối với các tổ chức kinh tế thuộc khu vực II, III miền núi và các xã thuộc Chương trình 135, sử dụng vốn vay để chi phí cho sản xuất, kinh doanh theo chương trình, dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Đối với học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, sử dụng vốn vay để mua sắm phương tiện học tập và các chi phí khác phục vụ cho việc học tập tại trường.

4. Người vay là đối tượng chính sách đi lao động có thời hạn ở nước ngoài, sử dụng vốn vay để trả phí đào tạo, phí dịch vụ, tiền đặt cọc, vé máy bay.

5. Người vay là các đối tượng khác thực hiện theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

6. Vốn nhận uỷ thác cho vay ưu đãi được sử dụng theo các mục đích do bên uỷ thác yêu cầu và được ghi trong hợp đồng uỷ thác.

**Điều 6. Loại cho vay, mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có)**

1. Loại cho vay, bao gồm:

a) Cho vay ngắn hạn thời gian đến 12 tháng.

b) Cho vay trung hạn thời gian từ trên 12 tháng đến 60 tháng.

c) Cho vay dài hạn trên 60 tháng.

2. Mức cho vay: Mức cho vay tối đa tùy thuộc đối tượng thụ hưởng của từng chương trình tín dụng do Thủ tướng Chính phủ hoặc NHCSXH quy định từng thời kỳ.

3. Thời hạn cho vay: Bên cho vay và hộ vay thỏa thuận về thời hạn cho vay căn cứ vào mục đích sử dụng vốn vay, chu kỳ sản xuất kinh doanh, khả năng trả nợ của hộ vay, nguồn vốn cho vay của NHCSXH.

4. Lãi suất cho vay: Lãi suất cho vay và lãi suất nợ quá hạn của từng chương trình áp dụng theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định trong từng thời kỳ.

5. Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay (nếu có) áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của NHCSXH theo từng thời kỳ.

**Điều 7. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn**

1. Gia hạn nợ.

a) Trường hợp đối tượng vay không trả nợ đúng hạn do thiên tai, dịch bệnh và nguyên nhân khách quan khác, đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện kiểm tra, xác nhận và có giấy đề nghị gia hạn nợ thì Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện xem xét cho gia hạn nợ.

b) Thời gian cho gia hạn nợ: Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện có thể thực hiện việc gia hạn nợ một hay nhiều lần đối với một khoản vay nhưng tổng số thời gian cho gia hạn nợ không quá 12 tháng đối với cho vay ngắn hạn và không quá 1/2 thời hạn cho vay ghi trên sổ vay vốn đối với cho vay trung hạn và dài hạn.

## 2. Chuyển nợ quá hạn

### a) Các trường hợp chuyển nợ quá hạn:

- Đối tượng vay sử dụng vốn vay sai mục đích.

- Có khả năng trả khoản nợ đến hạn nhưng không trả hoặc đến kỳ hạn trả nợ cuối cùng, đối tượng vay không được gia hạn nợ thì Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn.

b) Sau khi chuyển nợ quá hạn, Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện phối hợp với chính quyền địa phương, các tổ chức Chính trị - xã hội có biện pháp tích cực thu hồi nợ.

## 3. Thủ tục gia hạn nợ

a) Trước khi đến hạn trả nợ 30 ngày, Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện thông báo cho đối tượng vay biết số tiền, ngày đến hạn trả nợ.

b) Trường hợp đối tượng vay có nhu cầu gia hạn nợ thì có giấy đề nghị gia hạn nợ gửi Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện trước hạn trả nợ 05 ngày.

c) Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện xem xét, quyết định cho gia hạn nợ theo quy định.

d) Các trường hợp gia hạn nợ, Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện nơi cho vay và đối tượng vay đều phải ghi bổ sung vào sổ vay vốn lưu tại Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện và sổ của đối tượng vay giữ.

## **Điều 8. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay**

1. Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách địa phương vào thu nhập của Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

a) Trích lập quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg ngày 31/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với NHCSXH ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19/12/2002 của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng tối đa bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh).

b) Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho NHCSXH

trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho NHCSXH theo quy định, ngân sách địa phương cấp bù phần còn thiếu cho NHCSXH nơi nhận ủy thác.

c) Trích 10% số tiền lãi thu được để chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn NHCSXH nhận ủy thác từ ngân sách địa phương.

d) Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay.

2. Trường hợp lãi suất cho vay không bù đắp các khoản chi phí về trích lập dự phòng rủi ro tín dụng; chi phí quản lý cho NHCSXH; chi phí cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị NHCSXH các cấp, các Sở, ngành, đơn vị có liên quan thì NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện phối hợp với Sở Tài chính/Phòng Tài chính - Kế hoạch báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét cấp kinh phí bù đắp theo đúng quy định.

### **Điều 9. Xử lý nợ bị rủi ro**

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại NHCSXH. Những trường hợp phải xử lý rủi ro khác, Chi nhánh NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện phối hợp với Sở Tài chính/Phòng Tài chính - Kế hoạch, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội/Phòng Lao động - Thương binh và xã hội và các đơn vị có liên quan xem xét, thẩm định thống nhất bằng văn bản đối với từng trường hợp cụ thể, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp xem xét, quyết định đảm bảo theo quy định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh và do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định đối với nguồn vốn ngân sách cấp huyện.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được NHCSXH trích lập từ hoạt động cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro thuộc nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh, ngân sách cấp huyện, Sở Tài chính/Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và xã hội/Phòng Lao động - Thương binh và xã hội, NHCSXH tỉnh/Phòng Giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo Ủy ban nhân dân cùng cấp bổ sung ngân sách địa phương để xử lý hoặc giảm trừ trực tiếp vào nguồn ủy thác của ngân sách địa phương chuyển qua NHCSXH tỉnh/Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

6. Đối với Quỹ dự phòng rủi ro địa phương đã trích lập theo quy định tại Thông tư số 73/2008/TT-BTC ngày 01/8/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn, quản lý, sử dụng Quỹ giải quyết việc làm địa phương và kinh phí quản lý Quỹ quốc gia về việc làm được tiếp tục giao NHCSXH quản lý để xử lý rủi ro theo quy định.

#### **Điều 10. Chế độ báo cáo**

1. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.

2. Đối với nguồn vốn do ngân sách cấp huyện ủy thác qua Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện: Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân cấp huyện, Phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện.

#### **Điều 11. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán**

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc NHCSXH.

### **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 12. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương**

1. Sở Tài chính/Phòng Tài chính - Kế hoạch chủ trì, phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội/Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội và các cơ quan, đơn vị liên quan:

a) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân cùng cấp bố trí nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác cho NHCSXH đảm bảo đầy đủ, kịp thời để cho các đối tượng tại Điều 4 vay và thực hiện kiểm tra kết quả quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại NHCSXH.

b) Thẩm định hồ sơ vay vốn bị rủi ro, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định trên cơ sở đề nghị của Giám đốc NHCSXH đối với quy mô của đợt xóa nợ vượt quá số dư Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng được tạo lập từ nguồn vốn ủy thác tại địa phương.

c) Thẩm định, trình cấp có thẩm quyền xử lý nợ bị rủi ro đối với những trường hợp bị rủi ro ngoài cơ chế theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này.



d) Sở Tài chính tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quy định nội dung và mức chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Quy chế này.

e) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được theo Điều 8 Quy chế này.

2. Chi nhánh NHCSXH tỉnh, Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện:

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương chuyển sang NHCSXH theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại quy chế này.

b) Phối hợp các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

c) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp thẩm quyền xem xét, quyết định.

d) Định kỳ 6 tháng, hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH trước ngày 20/7 hàng năm (đối với báo cáo 6 tháng) và trước 20/01 của năm sau (đối với báo cáo năm).

3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác:

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo văn bản liên tịch và hợp đồng ủy thác đã ký với NHCSXH.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Phối hợp với các cơ quan chức năng, cơ quan thực hiện chương trình và chỉ đạo Phòng giao dịch NHCSXH cấp huyện thực hiện đúng các quy định tại quy chế này.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã:

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo quy chế này.

b) Phối hợp với NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đôn đốc trả nợ, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c. Phối hợp với NHCSXH xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn... hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan, tham gia tổ đôn đốc thu nợ khó đòi.

6. Trách nhiệm của đối tượng vay:

a) Kê khai hồ sơ vay vốn đầy đủ, trung thực, chính xác.

b) Sử dụng vốn vay đúng mục đích.

c) Hoàn trả tiền gốc, tiền lãi đúng quy định.

**Điều 13. Tổ chức thực hiện**

Trong quá trình triển khai thực hiện quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Tài chính hoặc Chi nhánh NHCSXH tỉnh) để xem xét, xử lý. // *ll*

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**



*ll*  
**Võ Ngọc Thành**